TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 02 - 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Liêm

2. Ông Trịnh Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 772/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1994

Đăng ký thường trú: Tổ A, khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Tổ A, ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Bành Văn Bé A, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Tổ A, khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do mai mối nên chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn

C, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 16/8/2012. Sau khi kết hôn, chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A chung sống tại tổ A, khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; đến năm 2022, vợ chồng chung sống tại địa chỉ Ấp B, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Bành Văn Bé A không quan tâm, chăm sóc chị Lê Thị L, không cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình với chị Lê Thị L; không lo làm ăn dẫn đến thiếu hụt kinh tế; thường xuyên ghen tuông vô cớ, khi ghen tuông, anh Bành Văn Bé A thường xuyên xúc phạm đến danh dự của chị Lê Thị L (vì cho rằng chị Lê Thị L có hành vi ngoại tình với người đàn ông khác) và anh Bành Văn Bé A có hành vi bạo lực gia đình đối với chị Lê Thị L (dùng tay, chân để gây thương tích, tổn hại sức khỏe của chị Lê Thị L và có dùng dao nhằm đe dọa sức khỏe của chị Lê Thị L). Ngoài ra, không còn nguyên nhân nào khác. Đến tháng 11/2024, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên không có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A; bản thân chị Lê Thị L có cho anh Bành Văn Bé A cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Bành Văn Bé A không thay đổi tính tình nên vợ chồng không hàn gắn được. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lê Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Bành Văn Bé A.

Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A có 02 (hai) con chung tên Bành Thị Kim H, sinh ngày 21/8/2011 và Bành Thị H1, sinh ngày 06/4/2014. Khi ly hôn, chị Lê Thị L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Bành Thị Kim H và Bành Thị H1; không yêu cầu anh Bành Văn Bé A cấp dưỡng nuôi con chung. Nghề nghiệp hiện tại của chị Lê Thị L là buôn bán, thu nhập 12.000.000 đồng/tháng nên đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh của con chung.

Theo Tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Bành Văn Bé A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do mai mối nên anh Bành Văn Bé A và chị Lê Thị L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 16/8/2012. Sau khi kết hôn, anh Bành Văn Bé A và chị Lê Thị L chung sống tại tổ A, khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; đến năm 2022, vợ chồng chung sống tại địa chỉ Ấp B, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống đến tháng 8/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do thiếu hụt kinh tế, không đủ để chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả; có một lần khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh Bành Văn Bé A có dùng dao rượt chém chị Lê Thị L nhưng chỉ nhằm mục đích hù dọa chị Lê Thị L, không có ý định gây tổn hại đến sức khỏe của chị Lê Thị L; ngoài ra khi vợ chồng cãi vả, chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A có sử dụng lời

lẽ thô tục để xúc phạm nhau; mặt khác, anh Bành Văn Bé A cũng có ghen tuông đối với chị Lê Thị L vì chị Lê Thị L thường xuyên đi uống rượu nhưng có lúc không thông báo với anh Bành Văn Bé A nên anh Bành Văn Bé A nảy sinh nghi ngờ chị Lê Thị L không chung thủy. Khi ghen tuông, anh Bành Văn Bé A cũng có hành vi đánh chị Lê Thị L. Ngoài ra không còn nguyên nhân nào khác. Đến tháng 11/2024, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh Bành Văn Bé A và chị Lê Thị L; bản thân anh Bành Văn Bé A có tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Lê Thị L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không hàn gắn được. Nay anh Bành Văn Bé A không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Anh Bành Văn Bé A và chị Lê Thị L có 02 (hai) con chung tên Bành Thị Kim H, sinh ngày 21/8/2011 và Bành Thị H1, sinh ngày 06/4/2014. Khi ly hôn, anh Bành Văn Bé A đồng ý để chị Lê Thị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Bành Thị Kim H và Bành Thị H1; anh Bành Văn Bé A không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh cho lời trình bày: Không có.

Tại phiên tòa,

Chị Lê Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Anh Bành Văn Bé A vẫn giữ nguyên lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L. Về quan hệ hôn nhân, chị Lê Thị L được ly hôn với anh Bành Văn Bé A. Về con chung, chị Lê Thị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Bành Thị Kim H, sinh ngày 21/8/2011 và Bành Thị H1, sinh ngày 06/4/2014; anh Bành Văn Bé A không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Bành Văn Bé A; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung

khi ly hôn với anh Bành Văn Bé A là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Bành Văn Bé A (bị đơn) có nơi cư trú tại tổ A, khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu được ly hôn với anh Bành Văn Bé A của chị Lê Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Lê Thị L cho rằng, chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Bành Văn Bé A không quan tâm, chăm sóc chị Lê Thị L; không giúp đỡ, chia sẻ công việc trong gia đình với chị Lê Thị L; không lo làm ăn dẫn đến thiếu hụt kinh tế; thường xuyên ghen tuông vô cớ, khi ghen tuông, anh Bành Văn Bé A thường xuyên xúc phạm đến danh dự của chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A có hành vi bạo lực gia đình đối với chị Lê Thị L (đập phá đồ đạt trong gia đình, đánh đập chị Lê Thị L (khoảng 01 lần/tháng) và có dùng dao rượt chém chị Lê Thị L). Đến tháng 11/2024, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên không có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A; bản thân chị Lê Thị L có cho anh Bành Văn Bé A cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Bành Văn Bé A không thay đổi tính tình nên vợ chồng không hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lê Thị L yêu cầu ly hôn với anh Bành Văn Bé A.

Anh Bành Văn Bé A cho rằng, vợ chồng chung sống đến tháng 8/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do thiếu hụt kinh tế, không đủ để chăm lo cho gia đình, chị Lê Thị L thường xuyên uống rượu với những người làm chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A có sử dụng lời lẽ thô tục để xúc phạm nhau; anh Bành Văn Bé A cũng có hành vi đánh đập chị Lê Thị L nhưng không nhiều (trong thời gian chung sống khoảng 04 lần) và có dùng dao rượt chém chị Lê Thị L nhưng chỉ nhằm mục đích hù dọa chị Lê Thị L chứ không có ý định gây tổn hại đến sức khỏe của chị Lê Thị L. Đến tháng 11/2024, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh Bành Văn Bé A và chị Lê Thị L; bản thân anh Bành Văn Bé A có tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Lê Thị L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không hàn gắn được. Nay anh Bành Văn Bé A không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị L vì còn thương vợ, thương con.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, có đủ căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống, khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị Lê Thị L và

anh Bành Văn Bé A có dùng lời lẽ thô tục xúc phạm nhau; anh Bành Văn Bé A có hành vi bạo lực gia đình đối với chị Lê Thị L và dùng hung khí đe dọa xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của chị Lê Thị L; trong quá trình vợ chồng sống ly thân, chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A có cho nhau cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được.

Xét thấy, chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A phát sinh từ năm 2020, khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A dùng lời lẽ thô tục xúc phạm nhau, anh Bành Văn Bé A có hành vi bạo lực gia đình đối với chị Lê Thị L; không dừng lại ở mức độ bạo lực gia đình, nghiêm trọng hơn, anh Bành Văn Bé A còn có hành vi dùng hung khí nguy hiểm đe dọa xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của chị Lê Thị L. Đến tháng 11/2024, mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A theo quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được; anh Bành Văn Bé A cho rằng còn thương vợ nhưng cũng không có biện pháp tích cực nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 3 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị Lê Thị L yêu cầu ly hôn anh Bành Văn Bé A phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu được được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị Lê Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A đều xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Bành Thị Kim H, sinh ngày 21/8/2011 và Bành Thị H1, sinh ngày 06/4/2014, hiện nay đang sống với chị Lê Thị L. Khi ly hôn, chị Lê Thị L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Bành Văn Bé A cấp dưỡng nuôi con; anh Bành Văn Bé A đồng ý để chị Lê Thị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn.

Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng khi chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Căn cứ lời trình bày của chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A, con chung hiện nay đang sống với chị Lê Thị L; quá trình sinh sống với chị Lê Thị L, con chung vẫn phát triển tốt; các con chung đều có nguyện vọng được sống với nhau và sống với chị Lê Thị L. Để giúp cháu Bành Thị Kim H và cháu Bành Thị H1 phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Lê Thị L và anh Bành Văn

Bé A thống nhất để chị Lê Thị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A ly hôn phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị Lê Thị L và anh Bành Văn Bé A ly hôn nên anh Bành Văn Bé A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị Lê Thị L không yêu cầu anh Bành Văn Bé A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn anh Bành Văn Bé A.

[2] Về con chung:

Chị Lê Thị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Bành Thị Kim H, sinh ngày 21/8/2011 và Bành Thị H1, sinh ngày 06/4/2014. Hiện nay đang sống với chị Lê Thị L.

Anh Bành Văn Bé A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Bành Văn Bé A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0023681 ngày 18/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- UBND thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang